

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 742/2022/HC-PT
Ngày: 13 - 9 - 2022
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực thuế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 391/2022/TLPT-HC ngày 22 tháng 7 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 383/2022/HC-ST ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1573/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển X, địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà HM Town số 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hồng S, sinh năm 1981, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư và phát triển X (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1986; địa chỉ: 29/3 Đường số 36, Khu phố 8, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

(Giấy ủy quyền ngày 23/10/2019 của Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư và phát triển X).

- *Người bị kiện*: Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: 63 Vũ Tông Phan, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Duy M, Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

1. Ông Võ Quang L, chức vụ: Kiểm tra viên, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Ông Nguyễn Duy H, chức vụ: Kiểm tra viên thuế, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Ông Lê Hữu C, chức vụ: Kiểm tra viên thuế, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện là Công ty cổ phần đầu tư và phát triển X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển X, nội dung vụ án như sau:

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển X (sau đây gọi tắt là Công ty X) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 0310004861; đăng ký lần đầu ngày 20/5/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 24/9/2019 tại Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 30/11/2018, Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là: Cục trưởng Cục thuế) ra Quyết định số 7760/QĐ-CT về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế, đối với Công ty X (sau đây gọi tắt là: Quyết định số

7760), trong đó:

Phạt tiền: 1.052.491.974 đồng; trong đó: phạt tiền về hành vi vi phạm thủ tục về thuế (tiểu mục 4254): 2.100.000 đồng, phạt tiền về hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp (tiểu mục 4254): 1.050.391.974 đồng.

Biện pháp khắc phục hậu quả: truy thu thuế 10.311.620.757 đồng, trong đó thuế thu nhập doanh nghiệp (tiểu mục 1052) 10.311.620.757 đồng, số tiền chậm nộp (tiểu mục 4918) 6.812.329.955 đồng.

Lý do xử phạt: Công ty X đã thực hiện hành vi hành chính khai sai nhưng không dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp của năm 2017; kê khai sai dẫn đến thiếu số tiền phải nộp trong hồ sơ khai thuế niên độ 2011 – 2016.

Công ty X đồng ý số tiền chậm nộp của niên độ 2013 – 2017 là: 2.700.849.520 đồng, tính trên số tiền bị truy thu thuế là 5.251.959.872 đồng, không đồng ý số tiền chậm nộp là 4.111.480.435 đồng tính từ ngày 01/7/2013 đến ngày 29/11/2018 cho số tiền bị truy thu là: 5.059.660.885 đồng của năm 2011 và năm 2012. Vi hành vi kê khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp trong hồ sơ khai thuế niên độ 2011 – 2012 của Công ty được thực hiện vào ngày 30/3/2012 cho kỳ tính thuế năm 2011, ngày 01/4/2013 cho kỳ tính thuế năm 2012, là thời điểm Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 đang có hiệu lực. Tuy nhiên, Quyết định số 7760 của Cục trưởng Cục thuế lại áp dụng Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11, để xử phạt và yêu cầu Công ty X phải nộp đủ số tiền thuế thiếu, số tiền thuế trốn, số tiền thuế gian lận, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trong thời hạn 10 năm trở về trước.

Công ty X có công văn số 1012/2018/CV-NH ngày 10/12/2018, khiếu nại Quyết định số 7760, về việc tính tiền chậm nộp thuế cho số tiền thuế bị truy thu các năm 2011 và năm 2012.

Ngày 27/8/2019, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là: Cục thuế) ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, kết luận nội dung khiếu nại của Công ty X là sai toàn bộ.

Cục thuế đã áp dụng sai quy định về hiệu lực của Văn bản quy phạm pháp luật, nên Quyết định số 7760 đã xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công Ty, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình hoạt động kinh

doanh của Công Ty.

Công ty X đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, giải quyết hủy bỏ một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 7760/QĐ-CT ngày 30/11/2018 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh, về số tiền chậm nộp 4.111.480.435 đồng tính từ ngày 01/7/2013 đến ngày 29/11/2018 cho số tiền bị truy thu thuế là 5.059.660.885 đồng của năm 2011 và năm 2012.

** Người bị kiện Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh:*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Cục trưởng Cục thuế Thành phố trình bày, giữ nguyên quan điểm theo nội dung văn bản số 6610/CT-TTKT9 ngày 05/6/2020 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố, có nội dung như sau:

Cục Thuế Thành phố thực hiện thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế theo Quyết định số 2642/QĐ-CT- TT ngày 22/10/2018, đối với:

- Tên người nộp thuế (NNT): Công ty cổ phần đầu tư và phát triển X.
- Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà HM Town, số 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
- Mã số thuế: 0310004861.
- Niên độ thanh tra: từ năm 2010 đến năm 2017.

Qua thực hiện thanh tra tại trụ sở NNT, Đoàn thanh tra đã lập Biên bản thanh tra thuế ngày 14/11/2018 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển X (Công ty X).

Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 7760/QĐ-CT ngày 30/11/2018 về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty X, theo đó tổng số thuế truy thu và phạt: 18.176.442.686 đồng (trong đó: Truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN): 10.311.620.757 đồng; Số tiền chậm nộp tiền thuế TNDN: 6.812.329.955 đồng; Phạt tiền về hành vi vi phạm thủ tục thuế 2.100.000 đồng và Phạt tiền về hành vi khai sai 1.050.391.974 đồng).

Không đồng ý với Quyết định số 7760/QĐ-CT ngày 30/11/2018 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh (nêu trên), Công ty X đã có văn bản khiếu nại số 1012/2018/CV-NH đề ngày 10/12/2018, nội dung khiếu nại chủ yếu là không đồng ý tính tiền chậm nộp tiền thuế TNDN niên độ năm 2011 và năm 2012.

Ngày 27/08/2019, Cục Thuế ban hành Quyết định số 38/QĐ-CT-KN về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển X, tại Điều 1 Quyết định: "Không công nhận nội dung Đơn khiếu nại số 1012/2018/CV-NH của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển X"; tại Điều 2 Quyết định: "Yêu cầu người khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quyết định số 7760/QĐ-CT ngày 30/11/2018 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh".

* Căn cứ pháp lý để tính tiền chậm nộp niên độ năm 2011, năm 2012:

- Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và các Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11;

- Khoản 1 Điều 106; Khoản 2 và Khoản 3 Điều 110 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006;

- Khoản 35 Điều 1 Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

- Căn cứ Khoản 4 Điều 2 và Khoản 3 Điều 54 Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013:

“Điều 2. Thời hiệu, thời hạn xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

...4. Thời hạn truy thu thuế.

Quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về thuế thì người nộp thuế không bị xử phạt nhưng vẫn phải nộp đủ số tiền thuế thiếu, số tiền thuế trốn, số tiền thuế gian lận, tiền chậm nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước trong thời hạn mười năm trở về trước, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm. Trường hợp người nộp thuế không đăng ký thuế thì phải nộp đủ số tiền thuế thiếu, số tiền thuế trốn, số tiền thuế gian lận, tiền chậm nộp tiền thuế cho toàn bộ thời gian trở về trước, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm.”.

“Điều 54. Hiệu lực thi hành.

...3. Áp dụng các quy định về xử phạt, hoãn, miễn, giảm tiền phạt và các quy định khác về xử phạt vi phạm hành chính về thuế có lợi đối với trường hợp vi phạm hành chính về thuế xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết...”.

- Khoản 3 Điều 3 Luật số 106/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 3 Nghị định 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016:

“1. Người nộp thuế chậm nộp tiền thuế so với thời hạn quy định, thời hạn

gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo thuế của cơ quan quản lý thuế, thời hạn trong quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế thì phải nộp đủ tiền thuế và tiền chậm nộp theo mức bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp...”.

Căn cứ các quy định nêu trên, số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty X truy thu năm 2011, năm 2012 không bị xử phạt về hành vi khai sai do quá thời hiệu xử phạt; nhưng số thuế truy thu năm 2011, năm 2012 được xác định là số thuế thiếu phát sinh trước ngày 01/7/2013 nên phải tính tiền chậm nộp kể từ ngày 01/7/2013. Cụ thể như sau:

* Số tiền chậm nộp = Số thuế thiếu * Số ngày chậm nộp * (0.03% hoặc 0,05%).

* Số tiền chậm nộp năm 2011: 3.041.935.008 đồng * (1.096 ngày * 0,05% + 882 ngày * 0,03%) = 2.471.876.388 đồng.

* Số tiền chậm nộp năm 2012: 2.017.725.877 đồng * (1.096 ngày * 0,05% + 882 ngày * 0,03%) = 1.639.604.047 đồng.

* Tổng cộng tiền chậm nộp năm 2011 và 2012 là: 4.111.480.435 đồng.

Ghi chú:

+ Số ngày tính chậm nộp 0,05%/ngày từ ngày 01/07/2013 đến ngày 30/06/2016 là: 1096 ngày.

+ Số ngày tính chậm nộp 0,03%/ngày từ ngày 01/07/2016 đến ngày 29/11/2018 là: 882 ngày.

Cục trưởng Cục thuế đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty X.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 383/2022/HC-ST ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Công ty cổ phần đầu tư và phát triển X, về việc yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 7760/QĐ-CT ngày 30/11/2018 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh, đối với số tiền chậm nộp 4.111.480.435 đồng tính từ ngày 01/7/2013 đến ngày 29/11/2018 cho số tiền bị truy thu thuế là 5.059.660.885 đồng của năm 2011 và năm 2012.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền

kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/4/2022, người khởi kiện Công ty X có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện Công ty X, có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn D trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty X về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 7760/QĐ-CT ngày 30/11/2018 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, đối với số tiền chậm nộp 4.111.480.435 đồng tính từ ngày 01/7/2013 đến ngày 29/11/2018 cho số tiền bị truy thu thuế là 5.059.660.885 đồng của năm 2011 và năm 2012, với các lý do:

Văn bản quy phạm pháp luật đang có hiệu lực tại thời điểm xảy ra hành vi kê khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp niên độ 2011-2012 là Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006, không phải luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 119 Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007; theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2013. Công ty X thực hiện hành vi kê khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp trong hồ sơ khai thuế niên độ năm 2011 - 2012 vào ngày 30/03/2012 cho kỳ tính thuế năm 2011 và ngày 01/04/2013 cho kỳ tính thuế năm 2012.

Theo khoản 1 Điều 83 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12: *“Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực.”* và khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13: *Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực.”*. Như vậy, Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006

được áp dụng đối với hành vi kê khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp niên độ 2011-2012 của Công Ty.

Mặt khác, Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 không có điều khoản nào quy định có hiệu lực trở về trước và mốc “mười năm trở về trước” chỉ nhằm giới hạn thời hạn truy thu thuế đối với hành vi vi phạm xảy ra kể từ thời điểm Luật này có hiệu lực. Việc áp dụng Khoản 35 Điều 1 Luật Quản lý thuế 21/2012/QH13 đối với hành vi vi phạm trước ngày Luật này có hiệu lực trái với nguyên tắc áp dụng quy định pháp luật có lợi hơn cho hành vi vi phạm. Hơn nữa, quy định về việc thu tiền chậm nộp thuế tại khoản 4 Điều 2 Nghị định 129/2013/NĐ-CP (giống với Khoản 35 Điều 1 Luật Quản lý thuế 21/2012/QH13) không có hiệu lực trở về trước.

Ngoài ra, Công ty X thấy Bản án hành chính phúc thẩm số 923/2019/HC-PT ngày 27/12/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong việc thu tiền chậm nộp thuế và giải quyết khiếu nại có các tình tiết tương tự vụ việc này, theo đó, Tòa án đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Doanh nghiệp và huỷ quyết định về việc nộp bổ sung tiền chậm nộp tiền thuế của Cục Thuế tỉnh Bình Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện thống nhất trình bày: Về trình tự, thủ tục ban hành, nội dung Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 7760/QĐ-CT ngày 30/11/2018 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định Quyết định số 7760/QĐ-CT ngày 30/11/2018 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh được ban hành đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không xuất trình được các tài liệu chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Công ty X, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên, xét kháng cáo của người khởi kiện, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người bị kiện là Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện: Công ty X khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 7760/QĐ-CT ngày 30/11/2018 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính 2015.

Mặc dù Công ty X không khởi kiện Quyết định số 38/QĐ-CT-KN ngày 27/8/2019 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của Công ty X. Tuy nhiên, trong quá trình xem xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của quyết định bị khởi kiện, Tòa án cần xem xét tính hợp pháp của các quyết định có liên quan đến yêu cầu khởi kiện theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 191, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính 2015. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét luôn tính hợp pháp của Quyết định giải quyết khiếu nại số 38/QĐ-CT-KN ngày 27/8/2019 nêu trên.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 30/11/2018, Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 7760/QĐ-CT đối với Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển X. Ngày 24/10/2019, Công ty cổ X có Đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 7760/QĐ-CT nêu trên, là còn thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015.

[1.4] Về thẩm quyền giải quyết: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính 2015.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của quyết định bị khởi kiện.

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành:

Ngày 22/10/2018, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 2642/QĐ-CT- TT về việc thực hiện thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế đối với Công ty X.

Qua thực hiện thanh tra tại trụ sở người nộp thuế, Đoàn thanh tra đã lập Biên bản thanh tra thuế ngày 14/11/2018 với Công ty X.

Ngày 30/11/2018, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 7760/QĐ-CT về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty X, theo đó tổng số thuế truy thu và phạt: 18.176.442.686 đồng (trong đó: Truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN): 10.311.620.757 đồng; Số tiền chậm nộp tiền thuế TNDN: 6.812.329.955 đồng; Phạt tiền về hành vi vi phạm thủ tục thuế 2.100.000 đồng và Phạt tiền về hành vi khai sai 1.050.391.974 đồng).

Không đồng ý với một phần Quyết định số 7760/QĐ-CT ngày 30/11/2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh nêu trên, Công ty X đã có văn bản khiếu nại số 1012/2018/CV-NH đề ngày 10/12/2018, nội dung khiếu nại chủ yếu là không đồng ý tính tiền chậm nộp tiền thuế thu nhập doanh nghiệp niên độ năm 2011 và năm 2012.

Ngày 27/8/2019, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 38/QĐ-CT-KN về việc giải quyết khiếu nại của Công ty X, tại Điều 1 Quyết định: “Không công nhận nội dung Đơn khiếu nại số 1012/2018/CV-NH của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển X”; tại Điều 2 Quyết định: “Yêu cầu người khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quyết định số 7760/QĐ-CT ngày 30/11/2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh”.

Việc Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 7760/QĐ-CT ngày 30/11/2018 về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty X và Quyết định số 38/QĐ-CT-KN về việc giải quyết khiếu nại của Công ty X giai đoạn 2011-2012 là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 109 của Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; khoản 4 Điều 44 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Điều 19 Luật khiếu nại năm 2011.

Để xem xét trình tự, thủ tục ban hành của Quyết định số 7760/QĐ-CT ngày 30/11/2018 và Quyết định số 38/QĐ-CT-KN ngày 27/8/2019 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh đối với cách tính tiền chậm nộp thuế thu nhập

doanh nghiệp của Công ty X niên độ năm 2011-2012, cần phải xét nội dung ban hành các quyết định.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Xét một phần nội dung của Quyết định số 7760/QĐ-CT ngày 30/11/2018 về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty X niên độ năm 2011 - 2012.

Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng căn cứ các quy định tại khoản 1 Điều 106, khoản 2 khoản 3 Điều 110 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; khoản 35 Điều 1 Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 và khoản 4 Điều 2 và khoản 3 Điều 54 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 để xác định số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty X truy thu năm 2011, năm 2012 tuy không bị xử phạt về hành vi khai sai do quá thời hiệu xử phạt; nhưng số thuế truy thu năm 2011, năm 2012 được xác định là số thuế thiếu phát sinh trước ngày 01/7/2013 nên phải tính tiền chậm nộp kể từ ngày 01/7/2013. Cụ thể như sau:

* Số tiền chậm nộp = Số thuế thiếu x Số ngày chậm nộp x (0.03% hoặc 0,05%).

- Số tiền chậm nộp năm 2011: 3.041.935.008 đồng x (1.096 ngày x 0,05% + 882 ngày x 0,03%) = 2.471.876.388 đồng.

- Số tiền chậm nộp năm 2012: 2.017.725.877 đồng x (1.096 ngày x 0,05% + 882 ngày x 0,03%) = 1.639.604.047 đồng.

- Tổng cộng số tiền chậm nộp năm 2011 và 2012 là: 4.111.480.435 đồng.

Tuy nhiên, thực tế Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh chỉ áp dụng Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 để ban hành Quyết định số 7760/QĐ-CT ngày 30/11/2018 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty X giai đoạn 2000 - 2017.

Xét thấy, hành vi kê khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp trong hồ sơ khai thuế niên độ 2011 - 2012 của Công ty X được thực hiện vào ngày 30/3/2012 cho kỳ tính thuế năm 2011, ngày 01/4/2013 cho kỳ tính thuế năm 2012, là thời điểm Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 đang có hiệu lực pháp luật, không quy định trách nhiệm của người nộp thuế phải nộp tiền chậm nộp trong trường hợp quá thời hiệu xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.

Mặt khác, hành vi chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển X xảy ra vào năm 2011 trước thời điểm Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 (sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11) có hiệu lực pháp luật. Do đó, Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ quy định tại khoản 35 Điều 1 của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 để ban hành Quyết định Quyết định số 7760/QĐ-CT ngày 30/11/2018 về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế và yêu cầu nộp số tiền chậm nộp đối với Công ty X niên độ năm 2011 - 2012, là trái với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 79, khoản 1 Điều 83 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và điểm a khoản 2 Điều 152, khoản 1 Điều 156 của Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015.

[2.2.2] Xét Quyết định số 38/QĐ-CT-KN ngày 27/8/2019 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của Công ty X đối với cách tính tiền chậm nộp niên độ năm 2011 - 2012.

Không đồng ý với một phần Quyết định số 7760/QĐ-CT ngày 30/11/2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh nêu trên, Công ty X đã có văn bản khiếu nại số 1012/2018/CV-NH đề ngày 10/12/2018, nội dung khiếu nại chủ yếu là không đồng ý tính tiền chậm nộp tiền thuế thu nhập doanh nghiệp niên độ năm 2011-2012.

Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh chưa xem xét đối chiếu các quy định của pháp luật về thuế tại thời điểm Công ty X thực hiện hành vi vi phạm mà đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 38/QĐ-CT-KN ngày 27/8/2019 với nội dung: “Không công nhận nội dung Đơn khiếu nại số 1012/2018/CV-NH của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển X”; tại Điều 2 Quyết định: “Yêu cầu người khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quyết định số 7760/QĐ-CT ngày 30/11/2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh”, là không đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, việc Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 (sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11), Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013, để ban hành Quyết định số 7760/QĐ-CT ngày 30/11/2018 và Quyết định số 38/QĐ-CT-KN ngày 27/8/2019 xử phạt và yêu cầu Công ty X phải nộp đủ số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp trong giai đoạn năm 2011-2012, là không

đúng trình tự, thủ tục theo quy định. (Áp dụng quy định chưa có hiệu lực pháp luật tại thời điểm có hành vi vi phạm, năm 2011-2012).

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét và có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty X.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí hành chính sơ thẩm:

Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định. Công ty X không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

[3.2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Công ty X không phải chịu do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển X; Sửa toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển X:

- Hủy một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 7760/QĐ-CT ngày 30/11/2018 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, đối với số tiền chậm nộp 4.111.480.435 đồng tính từ ngày 01/7/2013 đến ngày 29/11/2018 cho số tiền bị truy thu thuế là 5.059.660.885 đồng của năm 2011 và năm 2012.

- Hủy Quyết định số 38/QĐ-CT-KN ngày 27/8/2019 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển X đối với số tiền chậm nộp 4.111.480.435 đồng tính từ ngày 01/7/2013 đến ngày 29/11/2018 cho số tiền bị truy thu thuế là 5.059.660.885 đồng của năm 2011 và năm 2012.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

- Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển X không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn lại số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng cho Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển X theo biên lai số AA/2019/0024933 ngày 08/11/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển X không phải chịu. Hoàn lại cho Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0002505 ngày 22/6/2022 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Tấn

Trần Thị Thúy Hồng

Trần Thị Hòa Hiệp